

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 02/02/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lương Văn Khoa;

2- Ông Nông Viết Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm LĐ, xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Chị Phạm NA, SN 1990;

Địa chỉ: Tổ 26, P. PĐP, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm LĐ, xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Hoàng A, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, TT ĐC, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công ty TNHH XA;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, TT ĐC, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn X – Giám đốc;

3. Chị Trần Thị Diệu H

Địa chỉ: Xóm LĐ, xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn, bị đơn và bà Dương Hoàng A có mặt tại phiên tòa, ông Đặng Văn X, chị Trần Thị Diệu H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có quan hệ quen biết và có nhu cầu cần tiền để trả nợ Ngân hàng nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2018 đến ngày 24/7/2019 bà Lê Thị C có vay của bà Nguyễn Thị N nhiều lần với tổng số tiền là 380.000.000 đồng, việc vay nợ có lập thành văn bản, cụ thể:

Ngày 27/11/2018 bà C vay 120.000.000 đồng, bà C viết giấy vay tiền (mẫu in sẵn cho bà N chuẩn bị), thỏa thuận thời hạn vay 02 tháng, lãi suất tính bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT. Khi vay bà C có đưa cho bà N cầm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất mang tên Công ty TNHH XA để làm tin. Sau đó, bà C có vay thêm hai lần (một lần 60.000.000 đồng và một lần 160.000.000 đồng), những lần vay này bà C viết thêm vào mặt trước của giấy vay tiền có nội dung tổng cộng tính đến ngày 16/12/2018 số tiền vay của 03 lần là 340.000.000 đồng.

Ngày 24/7/2019 bà C vay tiếp của bà N 40.000.000 đồng. Hai bên không làm giấy vay riêng mà bà C chỉ viết thêm vào mặt sau của Giấy vay tiền ngày 27/11/2018. Không có thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất.

Tổng số tiền bà N cho bà C vay là 380.000.000 đồng, mặc dù theo giấy vay tiền thời hạn trả là 02 tháng, nhưng do bà C chưa có điều kiện trả nên hai bên có thỏa thuận miệng thêm là tính lãi suất bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, khi nào cần thì bà C phải trả cả gốc và lãi.

Sau nhiều lần đòi, bà C không trả lãi cho bà N theo thỏa thuận. Do bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà C phải trả tiền gốc đã vay là 380.000.000 đồng (*ba trăm tám mươi triệu đồng*) và số tiền lãi theo quy định của pháp luật, đối với khoản vay 340.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 16/12/2018, khoản vay 40.000.000 đồng lãi suất tính từ ngày 24/7/2019 cho đến khi giải quyết và số tiền lãi cho đến khi bà C thanh toán hết khoản nợ.

Về Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA do bà C đưa cho bà N để làm tin, hiện tại bà N đang cầm giữ, bà N biết việc thế chấp giữa hai người là không có giá trị pháp lý bởi Giấy CNQSD đất không phải là của bà C do vậy bà N đã tự nguyện trả lại cho bà C tại Tòa án nhưng bà C từ chối không nhận.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 và trong quá trình xét xử bị đơn là bà Lê Thị C trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2018 đến ngày 24/7/2019 bà Lê Thị C có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 380.000.000 đồng, mục đích vay hộ bà Dương Hoàng A, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 27/11/2018 bà C vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay nợ, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay 02 tháng, bà C có đưa cho bà N cầm giữ 01 Giấy CNQSD đất mang tên Công ty TNHH XA (Số CL 273675) để làm tin. Đến hạn trả, do bà A không có tiền trả nên bà C thỏa thuận miệng với bà N sẽ tiếp tục trả lãi 3% /01 tháng trên số tiền vay, không tính thời hạn trả và được bà N đồng ý.

Lần 2: Bà C vay 60.000.000 đồng, bà C ghi thêm vào giấy vay tiền ngày 27/11/2018, lần vay này cách lần vay đầu ít ngày, nhưng không nhớ rõ là ngày nào, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ nói miệng là tính lãi suất 3%/01 tháng.

Lần 3: Ngày 16/12/2018 bà C vay 160.000.000 đồng, bà C ghi thêm vào giấy vay tiền ngày 27/11/2018, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ nói miệng là tính lãi suất 3%/01 tháng. (Lần này có ghi tổng cộng vay 340.000.000 đồng, bao gồm các lần vay trước đó).

Lần 4: Ngày 24/7/2019 bà C vay 40.000.000 đồng, hai bên cũng không làm văn bản riêng mà bà C ghi thêm vào giấy vay tiền ngày 27/11/2018, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ nói miệng là tính lãi suất 3%/01 tháng.

Tổng số tiền gốc bà C đã vay của bà N là 380.000.000 đồng, bà C đã trả lãi cho bà N khoảng 10 tháng tính từ lần vay đầu với số tiền hơn 100.000.000 đồng, việc trả lãi không làm văn bản, không có người làm chứng, sau đó do bà A làm ăn thua lỗ nên không có khả năng thanh toán. Nay bà N kiện đòi bà C trả nợ, bà C không trả vì cho rằng đây là khoản nợ vay cho bà A, bà A phải có trách nhiệm trả nợ. Khi nào bà A trả cho bà C thì bà C sẽ trả cho bà N. Đối với số tiền đã trả lãi của 10 tháng nay bà N cho rằng bà C chưa trả là không đúng, tuy nhiên bà C cũng không có yêu cầu, đề nghị gì.

Về Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA do bà Dương Hoàng A đưa cho bà C để làm tin vay tiền hộ, hiện tại bà N đang cầm giữ, nay bà N trả lại cho bà C, bà C từ chối không nhận.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2020 và lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Hoàng A trình bày:

Ngày 27/11/2018 bà Dương Hoàng A có vay của bà Lê Thị C số tiền 380.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền, để làm tin, bà A có đưa cho bà C cầm giữ Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA “để làm tài sản cầm cố”. Việc thế chấp Giấy CNQSD đất và vay tiền ông Đặng Văn X – Giám đốc Công ty TNHH XA (chồng bà A) cũng biết và không có ý kiến gì.

Số tiền bà C vay của bà N là vay hộ cho bà A, nay bà N khởi kiện bà C đòi số tiền bà C vay hộ, bà A xác nhận số nợ 380.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không có khả năng thanh toán nên bà A đề nghị bà N lấy lại thửa đất đã thế chấp trên. Nếu không nhận đất, bà A sẽ trả dần số tiền gốc 380.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Về Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA bà A đã đang mang thế chấp cho bà C để bà C thế chấp cho bà N vay tiền hộ, nay Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa bà C với bà N, khi nào bà C trả nợ cho bà N thì bà C có trách nhiệm lấy lại. Khi nào bà A có tiền trả cho bà C thì bà C trả Giấy CNQSD đất cho bà A (Bà A là Phó GD Công ty XA).

Tại bản tự khai tại Tòa án, ông Đặng Văn X – Giám đốc Công ty TNHH XA trình bày:

Công ty TNHH XA do ông X làm Giám đốc có 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 273675 do UBND tỉnh cấp, diện tích 350,8 m² tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 100 thuộc xã LH, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, thời

hạn sử dụng đến 05/10/2067. Vợ ông là bà Dương Hoàng A có vay tiền của bà Lê Thị C (địa chỉ tại xã TX, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên) khi vay tiền, có mang Giấy CNQSD đất nêu trên của Công ty đi thế chấp với bà C. Việc vay nợ giữa bà A và bà C ông X không có liên quan, khi nào vợ ông trả hết tiền cho bà C thì bà C phải có trách nhiệm trả lại Giấy CNQSD đất cho bà A. Việc bà C mang Giấy CNQSD đất của Công ty đi thế chấp vay tiền của bà N ông X cũng không có liên quan. Đề nghị Tòa án khi giải quyết không đưa ông X vào tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Diệu H trình bày:

Chị H là con gái bà Nguyễn Thị N, việc bà N cho bà Lê Thị C vay tiền chị không biết. Giấy vay nợ hai bên viết là theo mẫu in sẵn do bà N làm, trong đó có nội dung bà Lê Thị C vay của “bà Nguyễn Thị N và bà Trần Thị Diệu H...”. Số tiền bà N cho bà C vay 380.000.000 đồng không phải là tài sản của chị H, đây là tài sản riêng của mẹ chị là bà N. Trường hợp Tòa án giải quyết tranh chấp đối với số tiền trên, đề nghị Tòa án không đưa chị H vào tham gia tố tụng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, không bổ sung thêm chứng cứ tài liệu gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 138, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ đã vay là 380.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho khoản vay 340.000.000 đồng từ ngày 16/12/2018 và tính lãi suất khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 24/7/2019. Buộc bà N trả cho bà C 01 Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA; Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, HĐXX nhận định:

* **Về tố tụng:** Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Võ Nhai, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có Giấy ủy quyền ngày 08/9/2020 đã được công chứng hợp lệ, theo đó nguyên đơn đã ủy quyền cho chị Phạm NA, sinh năm 1990, địa chỉ tổ 26, phường PDP, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đồng thời tổ chức cho các bên hòa giải, tại phiên hòa giải các

đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp nên vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đặng Văn X và chị Trần Thị Diệu H tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, ông X và chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, tại các bản tự khai ông X và chị H đều xác định bản thân không có liên quan gì đến vụ án và đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông X, chị H theo quy định.

*** Về nội dung:**

Bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị C đều thừa nhận, trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2018 đến ngày 24/7/2019 bà Lê Thị C có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 380.000.000 đồng, việc vay nợ có lập thành văn bản, cụ thể:

Lần 1: Ngày 27/11/2018 bà C vay 120.000.000 đồng, bà C có đưa cho bà N cầm giữ 01 Giấy CNQSD đất mang tên Công ty TNHH XA (Số CL 273675) để làm tin.

Lần 2: Bà C vay 60.000.000 đồng, lần vay này cách lần vay đầu ít ngày, nhưng không nhớ rõ là ngày nào;

Lần 3: Ngày 16/12/2018 bà C vay 160.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 24/7/2019 bà C vay 40.000.000 đồng;

Cả 04 lần vay trên đều được ghi trong cùng 01 giấy vay tiền, trong đó chỉ có khoản vay đầu 120.000.000 đồng được ghi rõ thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày 27/11/2018, lãi suất bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT, còn các lần vay sau không thể hiện thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên, hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất, Nguyên đơn xác định thỏa thuận lãi suất bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT, bị đơn xác định thỏa thuận miệng lãi suất 3%/ tháng. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả vì cho rằng đây là khoản vay hộ bà Dương Hoàng A và có thể chấp Giấy CNQSD đất của bà A nên bà C không thanh toán, đề nghị bà A trả tiền cho bà N hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà N để trừ nợ.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà C là người trực tiếp vay tiền của bà N, trong giấy vay tiền bà C có ghi mục đích vay để “trả ngân hàng” và có ký tên ở mục “Người vay”, do vậy bà C phải có nghĩa vụ trả nợ bà N. Việc bà C cho rằng bà C vay hộ bà A, đây là giao dịch dân sự khác, không liên quan đến nội dung vay tiền giữa bà C với bà N.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản có nội dung:

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;”

Tại phiên tòa các bên đều thừa nhận mặc dù giấy vay tiền có ghi thời hạn vay là 02 tháng nhưng sau có thỏa thuận miệng lại là các khoản vay đều không tính thời hạn trả mà chỉ tính lãi suất, khi nào cần thì báo trước để trả, tuy nhiên khi bà N

đòi thì bà C không trả. Căn cứ vào quy định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay 380.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, cần buộc bà Lê Thị C trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay theo yêu cầu.

- Về lãi suất: Bà N xác định tất cả các khoản vay nêu trên hai bên đều có thỏa thuận lãi suất như ghi trong giấy vay tiền. Kể từ khi vay đến nay bà C chưa trả cho bà N khoản tiền lãi nào, do vậy nay bà N yêu cầu bà C phải trả số tiền lãi suất bằng tiền lãi vay của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, cụ thể: Khoản vay 340.000.000 tính theo giấy vay tiền, từ ngày 16/12/2018; khoản vay 40.000.000 tính từ ngày 24/7/2019 đến khi giải quyết vụ án. Bà C xác nhận việc vay nợ giữa hai bên có thỏa thuận lãi 3%/ 01 tháng của các khoản vay trong giấy vay nợ và bà C đã trả cho bà N 10 tháng lãi với tổng số tiền khoảng trên 100.000.000 đồng. Bà N không thừa nhận việc tính lãi suất 3%/01 tháng và không thừa nhận việc đã thu lãi từ bà C. Bà C cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc đã trả lãi cho bà N.

Bộ luật dân sự 2015 có quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản như sau: “Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Trong vụ án này, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất (20%/ năm của khoản tiền vay), tức là 10%/năm của khoản tiền đã vay. Mức lãi suất này cũng phù hợp với mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên (Công văn số 1650/NHNo.TN-KHNV ngày 12/10/2020) áp dụng cho khách hàng trên địa bàn huyện Võ Nhai theo khoản vay tiêu dùng là 10,0% năm.

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có quy định:

“a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).”

Số tiền vay trên được hai bên thỏa thuận miệng không xác định thời hạn trả nên được tính lãi theo tiền lãi trong hạn. Căn cứ quy định nêu trên, số tiền lãi được tính như sau:

+ Lãi suất của 03 khoản vay đầu, tổng số tiền gốc là 340.000.000 đồng được tính từ ngày 16/12/2018 (theo yêu cầu của nguyên đơn) đến ngày xét xử sơ thẩm (02/02/2021) thời hạn vay chưa trả lãi là 02 năm, 48 ngày.

Số tiền lãi = 340.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 năm, 48 ngày = 72.471.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

+ Lãi suất của khoản vay 40.000.000 đồng được tính từ ngày 24/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/02/2021) thời hạn vay chưa trả lãi là 01 năm, 6 tháng, 9 ngày.

Số tiền lãi = 40.000.000 đồng x 10%/ năm x 01 năm, 6 tháng, 9 ngày = 6.098.600 đồng (*Sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng*).

Tổng tiền lãi là: 72.471.000 đồng + 6.098.600 đồng = 78.569.600 đồng. (*Bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng*).

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi suất bà C phải trả cho bà N là 380.000.000 đồng + 78.569.600 đồng = **458.569.600 đồng** (*Bốn trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*)

*** Về Giấy CNQSD đất:** Theo quy định của pháp luật thì Hợp đồng thế chấp tài sản là QSDĐ phải được công chứng, chứng thực. Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 quy định: “*Hợp đồng thế chấp QSDĐ, QSDĐ và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực...*”. Trong vụ án này, xét về giao dịch thế chấp giấy CNQSD đất trong giấy vay nợ giữa bà C với bà N không thể hiện rõ là thế chấp quyền sử dụng đất, không tuân thủ các quy định của pháp luật về thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất. Hơn nữa đối tượng thế chấp là Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA, không thuộc quyền sở hữu của bà C, như vậy việc thế chấp Giấy CNQSD đất giữa bà C với bà N là vô hiệu. Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 thì: Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N cũng xác định việc thế chấp là vô hiệu và tự nguyện trả lại cho bà Lê Thị C Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA, tuy nhiên phía bà C không nhận lại vì cho rằng khoản vay trong giấy vay nợ là vay hộ cho bà Dương Hoàng A và đề nghị bà A trả tiền cho bà N để lấy lại Giấy CNQSD đất. Phía ông X đại diện cho Công ty và bà A đều xác định không có việc bà A vay tiền của bà N mà chỉ có việc vay tiền của bà C (có giấy vay riêng), khi vay bà A có đưa cho bà C cầm giữ Giấy CNQSD đất của Công ty, việc bà C nợ tiền bà N không liên quan đến ông X, bà A. Khi nào bà A có tiền trả hết cho bà C thì sẽ lấy lại Giấy CNQSD đất, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Giấy CNQSD đất của Công ty TNHH XA do bà N đang cầm giữ không phải là tài sản, quá trình giải quyết vụ án bà C, ông X, bà A không ai có yêu cầu bà N trả lại giấy CNQSD đất, tuy nhiên bà N tự nguyện trả lại cho người đã trực tiếp đưa cho mình cầm giữ, do vậy khi giải quyết về nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản cũng cần ghi nhận sự tự nguyện về việc bà Nguyễn Thị N trả lại giấy CNQSD đất cho bà Lê Thị C để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần được chấp nhận.

* **Về án phí:** Trong vụ án này do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 138, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền nợ vay của bà Nguyễn Thị N đối với bà Lê Thị C.

Buộc bà Lê Thị C trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay là 380.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc theo pháp luật là 78.569.600 đồng. Tổng là **458.569.600 đồng** (*Bốn trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về Giấy CNQSD đất: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc trả lại cho bà Lê Thị C 01 Giấy CNQSD đất mang tên Công ty TNHH XA (Số CL 273675).

3. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu: 22.342.784 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng*) án phí DSST sung vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và bà Dương Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Ông Đặng Văn X, chị Trần Thị Diệu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Lưu: HS, bộ phận DS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tất Thắng